

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN CHI PHÍ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

● TRẦN THỊ THU NGÂN

## TÓM TẮT:

Chi phí kế toán và chi phí thuế là những thuật ngữ khá quen thuộc với những người làm công tác kế toán, cũng như những ai đang quản lý tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chúng ta sẽ rất khó khăn để phân biệt chúng nếu không thực tế là người phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Qua bài viết này, tác giả mong muốn, với những phát hiện về sự khác biệt giữa chi phí kế toán và chi phí thuế liên quan đến chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lãi vay, cùng với những góp ý của mình trong một số khoản chi phí nhất định nói trên, người đọc sẽ đồng quan điểm và ủng hộ việc thay đổi một số quy định chưa phù hợp thực tiễn, góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

**Từ khoá:** Chi phí kế toán, chi phí thuế, chi phí được trừ, chi phí không được trừ, doanh nghiệp.

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, trong lĩnh vực kế toán, Việt Nam đang tồn tại song song chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Điều này thể hiện Việt Nam từng bước nỗ lực hội nhập bên cạnh sự hoàn thiện ngày càng sâu các quy định của pháp luật về kế toán. Tuy nhiên, có một đặc thù không thể chối cãi là, tại Việt Nam, các quy định về pháp luật thuế có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với công tác kế toán. Tại các doanh nghiệp, công việc ghi nhận và đo lường kế toán thường dựa trên cơ sở quy định của thuế, dẫn đến không có sự khác biệt rõ ràng giữa lợi nhuận kế toán và thuế. Nhận thức đó đã ăn sâu và tác động rất lớn vào hành vi của người làm kế toán, dù những cải cách gần đây đã thay đổi tác động của thuế đối với kế toán. Chính vì vậy, việc phân biệt được chi phí kế toán và chi phí thuế, cũng như những hạn chế của chi phí thuế giúp chúng ta hiểu được bản chất của chi phí và hạch toán kế toán cho phù hợp.

## 2. Chi phí kế toán và chi phí thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam

Trong từ điển kinh tế, có định nghĩa, “chi phí là cái mà chúng ta từ bỏ để nhận được một cái gì đó, có thể thông qua hành vi mua, trao đổi hay sản xuất”<sup>1</sup>.

Ngoài ra, dưới góc độ kinh doanh, “Chi phí sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về vật chất và về lao động mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và một số khoản tiền thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh trong một thời kỳ nhất định”<sup>2</sup>.

Thêm vào đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” quy định “Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu,

không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu”.

Như vậy, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm chi phí, nhưng tựu chung lại, chi phí doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phát sinh liên quan đến hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Ngoài ra, cũng có nhiều khái niệm khác nhau về chi phí, tùy thuộc vào lĩnh vực cũng như nhu cầu quản lý khác nhau, mà chi phí được phân chia thành nhiều loại. Pháp luật về chi phí được xem là một trong số các nhu cầu quản lý ấy. Theo đó, pháp luật về chi phí của doanh nghiệp bao gồm những quy định của pháp luật đối với chi phí của doanh nghiệp mà chi phí này cần thiết để xác định, từ đó phục vụ quá trình xác định số thuế mà doanh nghiệp phải nộp. Theo quy định của pháp luật thuế, chi phí lại được phân chia thành chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo quy định hiện tại, để đáp ứng là chi phí được trừ, khoản chi này phải đáp ứng các điều kiện sau<sup>1</sup>:

**Thứ nhất**, khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; Nghĩa là khoản chi phí đó có thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nếu mà thực tế phát sinh nhưng không liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp thì thuế cũng không chấp thuận là chi phí được trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Thứ hai**, khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Nghĩa là, tùy theo khoản chi phí mà khoản chi phí đó có thể có hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng hoặc chứng từ theo quy định của pháp luật thì vẫn được chấp thuận là chi phí được trừ.

**Thứ ba**, khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Điều này đồng nghĩa với các khoản chi có hóa đơn, dù là hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng thì với mức chi từ 20 triệu đồng trở lên phải thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt mới được chấp nhận là chi phí được trừ.

### 3. Một số bất cập trong quy định về chi phí và khuyến nghị sửa đổi

Như đã đề cập trên đây, mặc dù đã qua nhiều chỉnh sửa, tuy nhiên hiện nay, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp nói chung và pháp luật về chi phí theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều điểm bất cập, gây ra nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Để góp phần làm hoàn thiện hơn pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể hơn là pháp luật về chi phí theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp, tác giả xin đưa ra một số bất cập liên quan đến chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lãi vay, bình luận, phân tích, từ đó trình bày một số quan điểm khuyến nghị.

#### 3.1. Chi phí khấu hao tài sản cố định

Theo quy định của Luật thuế GTGT về khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì “Tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô) có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng (giá chưa có thuế GTGT) thì số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ”.<sup>4</sup>

Theo pháp luật về chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, “Phần trích khấu hao tương ứng với nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ: ô tô dùng cho kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô) sẽ tính vào chi phí không được trừ”<sup>5</sup>.

Như vậy, theo quy định trên, chúng ta đặt ra câu hỏi là căn cứ nào để đưa ra một con số cố định 1,6 tỷ đồng là giá trị tối đa được đưa vào chi phí được trừ?

Tác giả cho rằng, trên thực tế, không có cơ sở nào để đưa ra quy định như trên. Nếu nói rằng căn cứ vào định mức xe ô tô của công ty chà nước làm hệ quy chiếu thì hiện nay, mức chi tối đa 840 triệu đồng<sup>6</sup> được thực hiện từ năm 2015 đã được thay thế mức 920 triệu đồng<sup>7</sup> từ ngày 25/02/2019.

Ngoài ra, liên quan đến định mức chi phí được trừ, thuế đầy cũng có chi phí quảng cáo, tiếp khách, mua quà cho biểu tặng. Tại Điểm 2.21, khoản 2, Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC

Quy định “Phần chi vượt quá 15% tổng số chi được trừ, bao gồm: chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, hoa hồng môi giới; chi tiếp tân, khánh tiết, hội nghị; chi hỗ trợ tiếp thị, chi hỗ trợ chi phí; chi cho, biếu, tặng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng” sẽ không được đưa vào chi phí được trừ. Tuy nhiên, Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 78/2014/TT-BTC đã “bãi bỏ điểm 2.21 Khoản 2 Điều 6, Khoản 5 Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC và các nội dung hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp do Bộ Tài chính và các ngành ban hành không phù hợp với quy định tại Thông tư này”. Như vậy, kể từ ngày 6/8/2015, sẽ bãi bỏ quy định mức khống chế 15% đối với các chi phí tiếp khách, quảng cáo, quà cho biếu tặng. Quy định bãi bỏ mức khống chế chi phí tiếp khách, quảng cáo, quà cho biếu tặng là phù hợp với xu hướng tự do hóa hoạt động kinh tế. Chi phí thực tế và chứng minh được bằng hóa đơn chứng từ thì hoàn toàn được đưa vào chi phí được trừ. Thêm vào đó, ô tô có nguyên giá dưới hay trên 1,6 tỷ đồng, thì mục đích chung vẫn là phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, có chứng từ đầy đủ. Vậy tại sao khoản tiền này không được tính hết vào chi phí được trừ, cho dù đây là một khoản chi thực sự phục vụ cho mục đích sản xuất - kinh doanh.

Ngòi ra, liên quan tới thời điểm để trích khấu hao TSCĐ, giữa pháp luật về thuế và pháp luật về kế toán cũng có quy định khác nhau, cụ thể như sau.

Theo nguyên tắc kế toán, việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bất đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm<sup>8</sup>. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo pháp luật về thuế, chi khấu hao đối với tài sản cố định không có giấy tờ chứng minh thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ tài sản cố định thuê mua tài chính) sẽ không được đưa vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN<sup>9</sup>. Như vậy, đã có độ chênh nhất định về thời điểm trích khấu hao và đưa chi phí trích khấu hao vào chi phí được trừ, bởi vì thực tế ở nước ta hiện nay, từ lúc hoàn tất thủ tục mua bán đến khi có giấy chứng nhận quyền sở hữu thường kéo dài, có khi lên đến 2 đến 3 năm.

Chính vì sự khác biệt về thời điểm trích khấu hao khi áp dụng theo pháp luật thuế và pháp luật kế toán dẫn đến nhiều doanh nghiệp sẽ trích khấu hao đúng thời điểm nhưng lại đưa vào chi phí được trừ sai. Ví dụ đối với trường hợp Công ty Cổ phần Sản xuất nhập khẩu NHP bị Cục Thuế Hà Nội phạt hơn 511 triệu đồng<sup>10</sup> liên quan đến nhiều sai phạm, trong đó có kê khai chi phí trích khấu hao nhà xưởng của tài sản chưa thuộc quyền sở hữu của Công ty, chưa đủ điều kiện trích khấu hao. Cụ thể là, năm 2014, Công ty có hợp đồng nhân chuyển nhượng nhà xưởng và sử dụng nhà xưởng này để hoạt động sản xuất kinh doanh, nguyên giá vào khoảng 14 tỷ đồng. NHP khi đó trích ngay khấu hao TSCĐ là nhà xưởng từ tháng 6/2014. Song theo cơ quan thuế, tại thời điểm đó, NHP chưa được trích khấu hao vì chưa có quyết định thu hồi đất và hợp đồng thuê đất với Nhà nước, kết quả NHP bị xử phạt.

Do đó, về nội dung Thông tư số 96/2015/TT-BTC đối với việc trích khấu hao TSCĐ, tác giả cho rằng cần thiết để ban hành nội dung điều kiện trích khấu hao, đặc biệt là thời điểm trích khấu hao cho đồng nhất với Luật Kế toán. Nhất là khi việc vi phạm luật thuế không chỉ bị thiệt hại về tài chính mà còn ảnh hưởng đến danh tiếng của doanh nghiệp đó trên thị trường. Thực tế, khi bị xử lý vi phạm về thuế, doanh nghiệp sẽ có không ít các nguy cơ có thể xảy đến kèm theo ngoài việc chịu một khoản tiền phạt. Theo quy định tại Quyết định số 1205/QĐ-UBCK, có hiệu lực từ ngày 2/8/2018 sửa đổi bổ sung Quyết định số 87/QĐ-UBCK quyết định về việc ban hành Quy chế hướng dẫn Giao dịch ký quỹ chứng khoán của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hầu như liên quan khi vi phạm thuế là công ty niêm yết bị cắt margin trên thị trường chứng khoán. Đó là lý do hàng loạt các cổ phiếu trên cả 2 sàn HOSE và HNX đều bị thông báo cắt margin vì vi phạm thuế. Theo đó, chứng khoán không được giao dịch ký quỹ nếu Sở GDCK nhân được báo cáo, công bố thông tin của công ty niêm yết hoặc Sở GDCK có thông tin về quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính công ty niêm yết đối với hành vi không chấp hành kết luận cưỡng chế thi hành quyết định hành chính

thuế; quyết định khởi tố bị can của cơ quan tiến hành tố tụng đối với công ty niêm yết.<sup>11</sup>

### **3.2. Chi phí lãi vay**

Theo quy định tại Mục 2.17: 2.18 Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC), phần chi phí lãi vay không được trừ như sau:

“2.17. Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.

2.18. Chi trả lãi tiền vay tương ứng với phần vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp tư nhân là vốn đầu tư) đã đăng ký còn thiếu theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của doanh nghiệp kể cả trường hợp doanh nghiệp đã đi vào sản xuất kinh doanh. Chi trả lãi tiền vay trong quá trình đầu tư đã được ghi nhận vào giá trị của tài sản, giá trị công trình đầu tư.

Từ quy định trên, tác giả đưa ra suy luận như sau đối với phần chi phí lãi vay được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp như sau.

*Thứ nhất*, đối với trường hợp chưa đóng đủ vốn điều lệ, không được đưa khoản chi phí lãi vay tương ứng phần vốn điều lệ còn thiếu vào chi phí được trừ.

*Thứ hai*, đối với trường hợp đã đóng đủ vốn điều lệ thì được vào toàn bộ chi phí lãi vay nếu doanh nghiệp này vay của ngân hàng. Trong trường hợp nếu vay của tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng thì chỉ đưa tối đa 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay. Mức lãi suất cơ bản này được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh, công bố qua từng thời kỳ, qua các năm khác nhau, mức lãi suất cơ bản cũng sẽ khác nhau. Tuy nhiên cho đến hiện nay, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố là 9%, con số 9% đã trải qua nhiều năm từ năm 2009 đến nay mặc cho tình hình kinh tế - xã hội mỗi năm mỗi khác nhau và ngày càng phát triển<sup>12</sup>.

Như vậy, trong trường hợp vay của tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng thì theo quy

định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC, doanh nghiệp chỉ đưa tối đa 150% x 9% là 13,5% chi phí lãi vay vào chi phí được trừ.

Tuy nhiên, theo quy định của BLDS hiện hành, BLDS 2015 quy định về lãi suất cụ thể tại Điều 468 như sau: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.”

Như vậy, nếu căn cứ theo quy định này của BLDS hiện hành, các bên có thể thỏa thuận mức lãi suất vay khác nhau, có thể là 20%, 19%, 18%,... Bây giờ, vấn đề đáng quan tâm là, chi trả lãi tiền vay 20%, 19%, 18%,... nhưng chỉ được đưa vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp tối đa 13,5% theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Từ đó, rõ ràng chúng ta thấy rằng có sự không hợp lý đối với quy định: “Phần chi phí trả lãi tiền vay vốn sản xuất kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay” không phải là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc quy định như vậy tạo ra sự không công bằng cho các doanh nghiệp, cũng như là hạn chế sự lựa chọn nguồn vay vốn của các doanh nghiệp này. Cụ thể, như đã phân tích, BLDS cho phép thỏa thuận mức lãi suất đến 20%/năm, trong khi Thông tư số 96/2015/TT-BTC chỉ cho phép tính vào chi phí được trừ dưới mức lãi suất là 13,5%/năm, rõ ràng đã có sự khác biệt khá lớn và sự khác biệt này ảnh hưởng không nhỏ đến doanh nghiệp. Nghiên cứu nhiều hơn về BLDS trước đây, tức BLDS 2005, tác giả xin phép đề cập một số vấn đề liên quan, nhằm làm sáng tỏ thêm quan điểm của mình như sau:

Quy định tại Điều 476 BLDS 2005 về lãi suất: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Với quy định này, việc quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngược lại theo tác giả là phù hợp với BLDS. Tuy nhiên, hiện nay, khi BLDS đã thay đổi quan niệm về lãi suất cho vay mà thông tư hướng dẫn pháp luật về thuế thu

nhập doanh nghiệp vẫn chưa được sửa đổi để phù hợp với tinh thần của BLDS mới. Đây rõ ràng là một trong những điểm thiếu sót của các hướng dẫn thực hiện Luật Thuế nói chung và Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp nói riêng hiện nay.

Từ những nhìn nhận trên thông qua việc xem xét các quy định pháp luật liên quan, tác giả mong muốn đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chi phí lãi vay như sau: không cần thiết phải phân biệt đi vay của tổ chức tín dụng hay tổ chức, cá nhân không phải tổ chức tín dụng, miễn việc đi vay đúng với quy định của pháp luật, cụ thể là thỏa thuận lãi suất cho vay tuân thủ quy định của BLDS hiện hành, có giấy tờ chứng minh

có phát sinh khoản lãi vay thì được trừ toàn bộ chi phí lãi vay đó.

**4. Kết luận**

Thông qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật nói chung, quy định của pháp luật về thuế nói riêng, tác giả đã chỉ ra những khoản chi phí được trừ và chi phí không được trừ theo pháp luật về thuế của Việt Nam. Từ việc phân tích cụ thể từng loại chi phí này, cũng như tìm hiểu quy định của pháp luật về mỗi khoản chi, ngoài những quy định hợp lý, tác giả đã nhận thấy một số bất cập tồn đọng ở một số quy định cụ thể. Do đó, tác giả đã chỉ ra cụ thể các thực trạng đó, đồng thời kèm theo hướng khắc phục đối với mỗi thực trạng bất cập ■

**TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:**

- <sup>1</sup> Nguyễn Văn Ngọc. *Từ điển Kinh tế học*. NXB Kinh tế quốc dân, trang 40
- <sup>2</sup> ThS. Vũ Quang Kết - TS. Nguyễn Văn Tấn, *Quản trị Tài chính*.
- <sup>3</sup> Khoản 1 điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.
- <sup>4</sup> Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 151/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.
- <sup>5</sup> Điểm e. Khoản 2.2, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC).
- <sup>6</sup> Khoản 1 Điều 10 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg quy định nêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- <sup>7</sup> Điều 7 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.
- <sup>8</sup> Điều 9 Thông tư số 45/2013/TT-BTC, thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định
- <sup>9</sup> Điểm b. Khoản 2.2, Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.
- <sup>10</sup> Từ trường hợp NHP bị phạt thuế, nhìn sang bút cập trong cách tính khấu hao tài sản cố định", xem tại <http://ndh.vn/tu-truong-hop-nhp-bi-phat-thue-nhin-sang-bat-cap-trong-cach-tinh-khau-hao-tai-san-co-dinh-20170820102356696p4c147.news>, truy cập ngày 25 tháng 2 năm 2019
- <sup>11</sup> Xem tại <https://tmmhanhchungkhoan.vn/chung-khoan/sua-quy-dinh-doanh-nghiep-vi-pham-thue-khong-duoc-margim-213932.html>, truy cập ngày 25 tháng 02 năm 2019.
- <sup>12</sup> Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN năm 2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

- 1. Quốc hội (2008). *Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12* ngày 3/6/2008.
- 2. Bộ Tài chính (2014). *Thông tư số 200/2014/TT-BTC* ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán DN.
- 3. Bộ Tài chính (2005). *Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế TNDN*.
- 4. Bộ Tài chính (2013). *Thông tư số 45/2013/TT-BTC*. *Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*.

5. Bộ Tài chính (2014). Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

6. Bộ Tài chính (2014). Thông tư số 151/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC;

7. Bộ Tài chính (2015). Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP về thuế TNDN;

8. Chính phủ (2019). Nghị định số 04/2019/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

9. Th.S. Vũ Quang Kết - TS. Nguyễn Văn Tấn. Quản trị Tài chính;

10. Nguyễn Văn Ngọc. Từ điển Kinh tế học. NXB Kinh tế quốc dân

11. Thủ tướng Chính phủ (2015). Quyết định Số. 32/2015/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

**Ngày nhận bài: 22/9/2019**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/10/2019**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 12/10/2019**

*Thông tin tác giả:*

**NCS. Th.S. TRẦN THỊ THU NGÂN**

**Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế Luật,**

**Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh**

## **SOME LEGAL CONCERNS RELATED TO OPERATING EXPENSES OF BUSINESSES**

● Ph.D's student, Master. **TRAN THI THU NGAN**

Lecturer, Faculty of Law

University of Economics and Law, Vietnam National University

- Ho Chi Minh City

### **ABSTRACT:**

Accounting and tax expenses are familiar terms to accountants as well as those who are in charge of corporate finance. Through this article, especially in finding the differences between accounting and tax expenses related to depreciate fixed assets and interest expenses, the author hopes that readers will agree and support ideas in improving the effectiveness of related laws.

**Keywords:** Accounting expenses, tax expenses, deductible expenses, non-deductible expenses, enterprise.